



há ma

蛤蟆

noun · frog; toad

Example Sentences

chí táng lǐ yǒu yī zhī há ma
池塘里有一只蛤蟆。

There is a toad in the pond.

xià yǔ hòu há ma dōu chū lái le
下雨后，蛤蟆都出来了。

After the rain, the toads all came out.

Trace each character, then write the word on your own.

蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤	蛤
蛤	蛤	蛤	蛤							
蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆
蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆	蟆			